

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÍN DỤNG
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2252/QĐ-NHKL ngày 03 / 7 /2023
của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long)

STT	KHOẢN PHÍ	MỨC PHÍ TỐI THIỂU	SỐ TIỀN THU PHÍ	
			TỐI THIỂU	TỐI ĐA
I	DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT)		
1	Phí bảo lãnh			
1.1	Ký quỹ 100%	0,035%/tháng	150.000đ/lần	
1.2	Ký quỹ dưới 100% hoặc miễn ký quỹ			
1.2.1	Số tiền bảo lãnh đã ký quỹ	0,035%/tháng	150.000đ/lần	
1.2.2	Số tiền chưa được ký quỹ được bảo đảm bằng các tài sản tương ứng sau			
a	Số dư tiền gửi, GTCG do KienlongBank phát hành	0,08%/tháng	150.000đ/lần	
b	Số dư tiền gửi, GTCG do ngân hàng khác phát hành	0,12%/tháng	200.000đ/lần	
c	Bất động sản	0,14%/tháng	200.000đ/lần	
d	Tài sản khác	0,16%/tháng	200.000đ/lần	
e	Không có tài sản đảm bảo	0,25%/tháng	1.000.000đ/lần	
f	Ngân hàng nước ngoài bảo lãnh	0,08%/tháng	150.000đ/lần	
2	Phí tu chỉnh bảo lãnh			
2.1	Sửa đổi tăng giá trị và/hoặc gia hạn (thu bổ sung phần tăng thêm)	Như phát hành thư bảo lãnh		
2.2	Sửa đổi khác	200.000đ/lần		
3	Phí thu thêm khi phát hành thư bảo lãnh			
3.1	Theo mẫu KienlongBank	Miễn phí		
3.2	Theo mẫu của Khách hàng được KienlongBank chấp thuận	200.000đ/lần		
3.3	Theo mẫu KienlongBank bằng tiếng Việt và Anh	200.000đ/lần		
4	Hủy thư bảo lãnh theo đề nghị của Khách hàng	200.000đ/lần		
5	Bảo lãnh ngoài nước			
5.1	Phát hành thư bảo lãnh hoặc Standby L/C			
5.1.1	Ký quỹ 100%	0,05%/tháng	440.000đ/lần	
5.1.2	Ký quỹ dưới 100%			
a	Số dư tiền gửi, GTCG do KienlongBank phát hành	0,05%/tháng	440.000đ/lần	
b	Số dư tiền gửi, GTCG do ngân hàng khác phát hành	0,08%/tháng	440.000đ/lần	
c	Bất động sản	0,10%/tháng	440.000đ/lần	

STT	KHOẢN PHÍ	MỨC PHÍ TỐI THIỂU	SỐ TIỀN THU PHÍ	
			TỐI THIỂU	TỐI ĐA
d	Tài sản khác	0,12%/tháng	440.000đ/lần	
e	Không có tài sản đảm bảo	0,30%/tháng	1.000.000đ/lần	
5.2	Tu chỉnh bảo lãnh hoặc Standby L/C			
a	Tu chỉnh tăng số tiền	Như phát hành thư bảo lãnh hoặc Standby L/C		
b	Tu chỉnh khác	220.000đ/lần		
5.3	Bảo lãnh thanh toán hối phiếu trả chậm	Như phát hành thư bảo lãnh		
5.4	Hủy thư bảo lãnh	330.000đ/lần		
5.5	Thông báo thư bảo lãnh của ngân hàng khác	264.000đ/lần		
5.6	Thông báo tu chỉnh thư bảo lãnh của ngân hàng khác	110.000đ/lần		
5.7	Xác nhận thư bảo lãnh	2,0%/năm	1.100.000đ/lần	
5.8	Phát hành thư bảo lãnh dựa trên bảo lãnh đối ứng	2,0%/năm	1.100.000đ/lần	
6	Phí xác thực thư bảo lãnh đã phát hành	200.000đ/lần		
7	Cấp lại thư bảo lãnh/cam kết bảo lãnh cho Khách hàng do bị mất hoặc bị hỏng	200.000đ/lần		
8	Trả nợ/thanh lý trước hạn	Theo quy định của KienlongBank trong từng thời kỳ		
9	Điều chỉnh kỳ hạn nợ/gia hạn nợ vay	Miễn phí		
10	Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu			
10.1	Cho vay ngắn hạn	1,0% * Giá trị Hạn mức vay/Số tiền vay	1.000.000đ	
10.2	Cho vay trung hạn, dài hạn	1,5% * Giá trị Hạn mức vay/Số tiền vay	1.000.000đ	
II	DỊCH VỤ KHÁC	Chưa bao gồm thuế GTGT		
1	Phí mượn hồ sơ tài sản đảm bảo theo yêu cầu của Khách hàng			
1.1	GTCG do KienlongBank phát hành	100.000đ/tài sản		
1.2	Tài sản khác	300.000đ/tài sản		
2	Phí thay đổi tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Khách hàng			
2.1	Thẻ tiết kiệm, GTCG do KienlongBank phát hành	Miễn phí		
2.2	Tài sản khác	200.000đ/tài sản		
3	Phí cấp bản sao giấy tờ tài sản bảo đảm	50.000đ/hồ sơ		

STT	KHOẢN PHÍ	MỨC PHÍ TỐI THIỂU	SỐ TIỀN THU PHÍ	
			TỐI THIỂU	TỐI ĐA
4	Xác nhận bản chính tài sản bảo đảm, số dư tiền gửi, GTCG đang thể chấp, cầm cố tại KienlongBank theo yêu cầu của Khách hàng	300.000đ/hồ sơ		
5	Phí cấp hạn mức tín dụng dự phòng (bao gồm các văn bản hứa xem xét cấp hạn mức tín dụng/thu xếp tín dụng/cam kết tài trợ)			
5.1	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết dưới 05 tỷ đồng	0,15%*Giá trị hạn mức	1.000.000đ	
5.2	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 05 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng	0,10%*Giá trị hạn mức		
5.3	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng	0,07%*Giá trị hạn mức		
5.4	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng	0,06%*Giá trị hạn mức		
5.5	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 100 tỷ đồng đến dưới 480 tỷ đồng	0,05%*Giá trị hạn mức		
5.6	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 480 tỷ đồng trở lên (Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ)	0,04%*Giá trị hạn mức		

HƯỚNG DẪN THU PHÍ

1. Thuế GTGT:

- Đối với mục I Biểu phí này: Dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT;
- Đối với mục II Biểu phí này: Các phí trên chưa bao gồm thuế GTGT (VAT). Việc thu thuế GTGT sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

2. Mức phí ngoại tệ được thu bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản niêm yết tại thời điểm thu của KienlongBank.

3. Các dịch vụ có phát sinh điện phí, bưu phí ngoài nước, sẽ thu thêm phí này theo thực tế phát sinh.

4. Phí dịch vụ đã thu sẽ không hoàn trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy dịch vụ.

5. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay khi phát sinh, hoặc thu gộp một lần khi kết thúc toàn bộ dịch vụ.

6. Trường hợp có Hợp đồng/Thoả thuận giữa KienlongBank và khách hàng, hoặc sản phẩm dịch vụ có quy định thu phí riêng, Đơn vị thực hiện thu phí theo Hợp đồng/Thoả thuận/quy định của sản phẩm dịch vụ.

7. Phí bảo lãnh ký quỹ dưới 100% (mục 1.2) = Phí mục 1.2.1 + Phí mục 1.2.2 (tương ứng tài sản bảo đảm).

8. Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực (căn cứ ngày ký Hợp đồng tín dụng) đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu (mục I.10):

- Thời điểm thu phí:
 - Số tiền thu phí < 03 tỷ đồng: Đơn vị thu phí 01 lần chậm nhất vào ngày giải ngân vốn vay đầu tiên theo từng Hợp đồng tín dụng.
 - Số tiền thu phí ≥ 03 tỷ đồng:
 - Đơn vị được quyền chủ động thỏa thuận với khách hàng thu phí 01 lần chậm nhất vào ngày giải ngân vốn vay đầu tiên theo từng Hợp đồng tín dụng; hoặc

- + Đơn vị thỏa thuận với khách hàng phân kỳ nộp phí, số tiền nộp phí cụ thể của từng kỳ và đảm bảo việc thu phí phải hoàn tất trong Thời hạn vay/Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng theo Hợp đồng tín dụng đã ký.
- b. *Thẩm quyền miễn, giảm phí:*
 - Khoản cấp tín dụng thuộc cấp phê duyệt tại Hội sở (Hội đồng tín dụng 1, Hội đồng tín dụng 2, Hội đồng tín dụng 3, Hội đồng tín dụng Hội sở, Hội đồng quản trị): Đơn vị trình về cấp phê duyệt cấp tín dụng tương ứng xem xét, phê duyệt.
 - Các trường hợp còn lại: Đơn vị trình về Tổng Giám đốc xem xét, phê duyệt.
- c. *Phí cam kết rút vốn không áp dụng đối với:* Cho vay thấu chi, Cho vay cầm cố Giấy tờ có giá.

